

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HS-ST
Ngày: 22-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Phúc
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3237/2017/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: ấp Tân Hậu II, xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: lớp 1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H (chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 34 ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

- Người bị hại: Phạm Văn H, sinh năm 1969, ĐKTT: ấp Quí Đức A, xã Quới Điền, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Minh H, sinh năm 1985, ĐKTT: 44/3 ấp TB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền của anh H: ông Phạm Văn H, sinh năm 1969, ĐKTT: ấp ĐA, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 10 năm 2017. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Văn Miều, sinh năm 1939, ĐKTT: HII, xã T, huyện CN, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2015, Nguyễn Văn N đến làm thuê cho ông Phạm Văn H, sinh năm 1969, ngụ ấp ĐA, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Hằng ngày N được ông H giao công việc trông coi trại nuôi bò, đến tối thì N nghỉ ngơi tại nhà kho của ông H (tọa lạc tại cùng địa chỉ trên). Thấy trong kho có cất giữ tài sản, N nảy sinh ý định lấy trộm đem đi bán để lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/8/2015, lợi dụng lúc gia đình ông H đang tổ chức tiệc sinh nhật cho cháu ngoại, N đến nhà kho lấy 01 cuộn dây điện vỏ nhựa màu xám, lõi đồng dài 19,9m của ông H và một số tài sản của ông Trần Minh H, sinh năm 1985, ngụ 44/3, ấp TB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre đang gửi giữ tại đây, gồm: 01 máy hàn điện do Trung Quốc sản xuất, 02 sợi dây điện dùng để đấu nối các điện cực của máy hàn để hàn sắt và 01 cuộn dây điện dài 14,5m. Sau khi lấy được tài sản, N điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số kiểm soát) chở tất cả tài sản lấy trộm được đem về nhà tại ấp HII, xã T, huyện CN cất giấu rồi quay trở lại trại nuôi bò của ông H và làm việc bình thường.

Đến khoảng 09 giờ ngày 18/8/2015, ông H phát hiện số tài sản của mình bị mất nên trình báo cơ quan Công an. Qua làm việc, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại tài sản đã chiếm đoạt nhưng sau đó đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ nên bị khởi tố và truy nã bị cáo. Ngày 04/9/2017, N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đầu thú.

Vật chứng của vụ án được thu giữ và qua định giá xác định giá trị tài sản như sau:

- 01 (một) máy hàn điện có vỏ kim loại màu xanh do Trung Quốc sản xuất, chiều dài 37cm, chiều rộng 15cm, chiều cao 23cm, gần công tắc khởi động có dòng chữ ZX7-200 power 13kw, có gắn một sợi dây điện nguồn màu đen, chiều dài 1,5m. Tài sản đã qua sử dụng tỷ lệ còn lại 70% so với giá mua mới: 3.000.000 đồng/cái x 70% = 2.100.000 đồng.

- 01 (một) cuộn dây điện vỏ nhựa màu xám, còn mới, bên trên vỏ nhựa có ghi các thông số kỹ thuật, bên trong có hai sợi dây điện màu đỏ, xanh, lõi đồng, chiều dài 19,9m, một đầu gắn chuỗi điện màu trắng, đầu còn lại gắn ổ điện loại ba lỗ cắm đôi. Với giá mua mới: 10.000đồng/m x 19,9m = 199.000 đồng.

- 01 (một) cuộn dây điện vỏ nhựa màu xám, đã cũ, không còn thông số kỹ thuật, bên trong có hai sợi dây điện màu đỏ, xanh, lõi đồng, chiều dài 14,5m, một đầu để điện trần, đầu còn lại gắn ổ cắm điện loại ba lỗ cắm đôi. Với giá mua mới: 7.000đồng/m x 14,5m = 101.500 đồng.

- 02 (hai) sợi dây điện màu đen, lõi đồng dùng để nối hai điện cực của máy hàn. Sợi điện nối với cực dương dài 2,75m có gắn kẹp sắt, sợi còn lại dùng để nối với cực âm, dài 2,6m có gắn miếng sắt đã bị gỉ. Với giá mua mới 80.000 đồng/m x 5,35m = 428.000 đồng

Tổng giá trị tài sản mà bị can đã lấy trộm là 2.828.500 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Ngày 11/11/2015, người bị hại Phạm Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H đã nhận lại tài sản bị mất nêu trên theo biên bản về việc trao trả tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú và không yêu cầu gì khác, đồng thời có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 31/KSĐT-KT, ngày 06-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22-12-2017. Về trách nhiệm dân sự: chủ sở hữu tài sản là anh Trần Minh H đã nhận lại tài sản; người bị hại Phạm Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H không yêu cầu gì khác nên đề nghị Tòa không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Quá trình điều tra người bị hại Phạm Văn H có yêu cầu về trách nhiệm hình sự đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì.

Bị cáo Nguyễn Văn N không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi là với động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/8/2015, tại ấp Quí Đức A, xã Quới Điền, huyện P, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn N đã lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây điện vỏ nhựa màu xám, lõi đồng dài 19,9m của ông Phạm Văn H và 01 máy hàn điện do Trung Quốc sản xuất, 02 sợi dây điện dùng để đấu nối các điện cực của máy hàn để hàn sắt, 01 cuộn dây điện vỏ nhựa màu xám đã cũ dài 14,5m của ông Trần Minh H đang gửi giữ tại nhà kho của ông H đem về nhà cất giấu như phần trên đã nêu. Tổng

giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 2.828.500 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Tuy nhiên, xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân tốt thể hiện ở việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; quá trình điều tra người bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, nhưng để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo đồng thời giao bị cáo cho gia đình và Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian chấp hành thử thách theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: chủ sở hữu tài sản là anh Trần Minh H đã nhận lại tài sản; người bị hại Phạm Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là 22 tháng 12 năm 2017.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Văn N có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: chủ sở hữu tài sản là anh Trần Minh H đã nhận lại tài sản; người bị hại Phạm Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn N nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh